

50 năm Hiệp định Paris: Những điều không được nói tới trong tuyên truyền của cộng sản Việt Nam

26/01/2023

Hoàng Long /VOA



Ảnh chụp các đại diện của Bắc Việt Nam, trong đó Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh (thứ ba từ phải) đang kí thỏa thuận ngừng bắn để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, tại Paris, Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1973. Photo: AFP

Năm mươi năm trước, Chiến tranh Việt Nam đạt tới một bước ngoặt lịch sử vào ngày 27 tháng 1 năm 1973 khi bốn bên gồm Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa (Bắc Việt Nam), Cộng hòa miền Nam Việt Nam (Việt Cộng) kí kết Hiệp định Paris với mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam.

Theo các điều khoản, Mỹ đồng ý đình chỉ ngay lập tức mọi hoạt động quân sự và rút toàn bộ quân nhân còn lại trong vòng 60 ngày. Bắc Việt Nam đồng ý ngừng bắn ngay lập tức và trả tự do cho tất cả tù binh Mỹ trong vòng 60 ngày. Hơn 100.000 binh sĩ Bắc Việt Nam đang ở trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa được phép ở lại. Việt Nam vẫn bị chia cắt.

Sự kiện này được chính quyền cộng sản của Việt Nam mô tả là một “[chiến thắng vĩ đại](#)” về ngoại giao mở ra cục diện mới tiến tới thống nhất hoàn toàn đất nước vào năm 1975. Nhưng các học giả nghiên cứu Chiến tranh Việt Nam ở ngoài nước nói rằng thực tế lịch sử phức tạp hơn những gì được tuyên truyền một chiều.

VOA trò chuyện với Pierre Asselin, Giáo sư Lịch sử tại Đại học San Diego State ở Mỹ, người từng viết một cuốn sách về tiến trình dẫn tới Hiệp định Paris, để làm sáng tỏ một số vấn đề lịch sử. Nội dung cuộc phỏng vấn đã được biên tập lại cho rõ ràng và dễ theo dõi.

Nhìn lại Hiệp định Paris năm 1973, ông có suy nghĩ gì về ý nghĩa của nó trong cả cuộc Chiến tranh Việt Nam?

Tôi nghĩ nó là một sự kiện cực kì quan trọng trong lịch sử Chiến tranh Việt Nam. Hệ quả chính của hiệp định là đưa lực lượng chiến đấu cuối cùng của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam và sau đó nó cũng dẫn đến việc chấm

dứt các hành động thù địch của Mỹ chống lại Bắc Việt Nam. Vì vậy trên thực tế, Hiệp định Paris đặt dấu chấm hết cho cái gọi là cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Và tôi nghĩ ở cấp độ đó, nó rất, rất quan trọng.

Nhưng đồng thời tôi không nghĩ chúng ta nên phóng đại tầm quan trọng của nó bởi vì đối với chính người Việt Nam, hiệp định này không thay đổi gì mấy theo nghĩa là mặc dù người Mỹ đã rời đi, cuộc nội chiến ở Việt Nam bắt đầu vào năm 1945 vẫn chưa kết thúc. Đó là một trong những lý do tại sao Hiệp định Paris chưa bao giờ thực sự có cơ hội mang lại một nền hòa bình lâu dài và sau này bị vi phạm và phá vỡ bởi cả miền Bắc lẫn miền Nam chỉ trong vài tuần sau khi được kí kết.



Pierre Asselin là Giáo sư Lịch sử tại Đại học San Diego State chuyên nghiên cứu về Chiến tranh Việt Nam.

Xin ông cho biết bối cảnh lịch sử xung quanh hiệp định này. Các cuộc đàm phán hòa bình đã khởi sự kể từ năm 1968 nhưng sau đó lâm vào bế tắc. Sự đột phá xảy ra khi nào và điều gì dẫn tới sự đột phá đó?

Hiệp định Paris thực sự là sản phẩm của sự mệt mỏi vì chiến tranh ở cả phía Mỹ và Bắc Việt Nam. Và điều quan trọng cần hiểu là đây là một thỏa thuận về cơ bản gạt Việt Nam Cộng Hòa khỏi tiến trình đàm phán. Hiệp định Paris sau này được kí bởi miền Bắc, miền Nam và Mỹ. Nhưng điều chúng ta cần ghi nhớ là, chính xác là trong tiến trình đàm phán bí mật và riêng tư, Việt Nam Cộng Hòa đã bị Mỹ và Bắc Việt Nam gạt ra ngoài một cách có chủ đích. Vì vậy, về căn bản đây là một thỏa thuận giữa Washington và Hà Nội. Và điều thực sự đưa tới thỏa thuận này là sự mệt mỏi vì chiến tranh ở phía Mỹ và giới lãnh đạo Bắc Việt Nam sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân.

Vào đầu cuộc chiến, cả hai bên đều tự tin vào khả năng của mình chiến thắng kẻ thù. Nhưng rồi đến năm 1968-1969, cả Hà Nội và Washington đều nhận ra rằng kiểu thắng lợi mà họ hi vọng đạt được là rất khó xảy ra. Về phía Mỹ, [Tổng thống Richard] Nixon cho rằng một thắng lợi như vậy là hoàn toàn không thực tế. Về phía Hà Nội, họ nhận ra sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân rằng việc giành được cái gọi là thắng lợi toàn diện có lẽ là bất khả dĩ. Và tôi nghĩ rằng những nhận thức này là yếu tố chính mà cuối cùng thúc đẩy Hà Nội và Washington bắt đầu nỗ lực hướng tới một sự dàn xếp thông qua thương thuyết.

Nhưng đối với tôi, đây không phải là một thỏa thuận cho thấy chiến thắng của bên này hay bên kia. Thỏa thuận này là sản phẩm của hoàn cảnh và cụ thể đó là sản phẩm của sự mệt mỏi vì chiến tranh của cả Washington và Hà Nội. Bạn hỏi về những bước ngoặt. Tôi nghĩ cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân là một bước ngoặt lớn. Nhưng một bước ngoặt thực sự quan trọng khác là cuộc tiến công mùa xuân năm 1972 (thường được biết tới với tên gọi 'Mùa hè đỏ lửa'). Điều lạ là chúng ta luôn coi cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân là sự kiện lớn nhưng theo nhiều cách, cuộc tiến công mùa xuân 1972 là một chiến dịch thậm chí còn lớn hơn. Và giống như Tết Mậu Thân, về mặt quân sự, đó là một thảm họa đối với Hà Nội.

Hà Nội thua to trong cuộc tiến công mùa xuân, nhưng Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa cũng chịu nhiều tổn thất. Đối với phía Mỹ, nó rất tổn hại về mặt chính trị vì nó dẫn đến việc tái tục ném bom miền Bắc Việt Nam vốn luôn bị phản đối. Và việc tái tục ném bom làm cho phong trào phản chiến càng bùng lên thêm. Vì thế, dù Hà Nội liếng xiếng vì thất bại quân sự nặng nề này vào năm 1972, Mỹ và chính quyền Nixon nói riêng lại điều đứng với hậu quả chính trị của việc leo thang chiến tranh vào năm 1972 vào thời điểm mà Mỹ lẽ ra phải đang kết thúc chiến tranh. Đến tháng 1 năm 1973, hai bên Hà Nội và Washington về cơ bản vì những lý do khác nhau đều nóng lòng kết thúc chiến tranh và đạt được thỏa thuận cuối cùng thông qua thương lượng.

Những cuộc đàm phán bí mật đó đóng vai trò lớn tới mức nào trong việc mở đường cho Hiệp định Paris? Tại sao Mỹ lại cố tình loại Việt Nam Cộng Hòa ra khỏi các cuộc đàm phán bí mật với Hà Nội?

Có hai đợt đàm phán hòa bình diễn ra sau năm 1968. Đợt đầu tiên là cuộc đàm phán bán công khai. Ban đầu là giữa Mỹ và Bắc Việt Nam và sau đó là giữa Mỹ, Bắc Việt Nam, Việt Nam Cộng Hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, tức Việt Cộng. Nhưng bởi vì những cuộc đàm phán đó công khai nên chúng chủ yếu nhằm mục đích tuyên truyền và không bao giờ thực sự đạt được bất cứ điều gì. Và đây là điều mà cả Hà Nội và Washington đều hiểu.

Vì vậy vào năm 1969, khi [Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ Henry] Kissinger tiếp cận Hà Nội về việc mở một kênh bí mật để đôi bên dễ dàng trình bày thẳng thắn quan điểm của mình về triển vọng kết thúc chiến tranh thì lúc đó Hà Nội mới cởi mở hơn. Thực sự nhờ kênh liên lạc bí mật này, chỉ trở thành riêng tư vào năm 72, mà tất cả những phần cho phép thỏa thuận được hoàn tất mới được sắp xếp ổn thỏa. Kênh đàm phán bí mật và riêng tư góp phần chung quyết Hiệp định Paris. Vì không có ai khác ngoài Kissinger và [Cố vấn cao cấp Đoàn đại biểu Bắc Việt Nam] Lê Đức Thọ nên không có lý do gì để tuyên truyền. Không có lý do gì để thị uy. Vì thế, các cuộc đàm phán đó mang tính xây dựng hơn nhiều so với các cuộc đàm phán bán công khai mà chủ yếu là để tuyên truyền.



Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ Henry Kissinger (thứ ba từ trái), và cố vấn đặc biệt của phái đoàn Bắc Việt Nam Lê Đức Thọ (vẫy tay), được nhìn thấy sau cuộc họp cuối cùng của họ tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế ở Paris, ngày 23 tháng 1 năm 1973.

Về câu hỏi thứ hai, tại sao họ gạt Việt Nam Cộng Hòa ra? Tôi nghĩ người Mỹ từ lâu hiểu rằng Sài Gòn sẽ không bao giờ chấp nhận một giải pháp ngoại giao trừ phi nó giải quyết được tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam. Và Mỹ nhận ra rằng nếu họ đưa Việt Nam Cộng Hòa vào các cuộc đàm phán bí mật thì việc này có nhiều phần chắc sẽ làm chệch hướng các cuộc đàm phán đó hoặc làm cho nó kéo dài lê thê. Vì vậy Mỹ quyết định gạt Sài Gòn ra khỏi tiến trình này bởi vì sẽ dễ dàng hơn rất nhiều cho Mỹ đưa ra những nhượng bộ thay mặt Việt Nam Cộng Hòa hơn là để chính Việt Nam Cộng Hòa đưa ra nhượng bộ.

Và tôi nghĩ việc này cho thấy rất nhiều điều về chính quyền Sài Gòn là một chính quyền như thế nào. Đối với tôi, việc loại bỏ Sài Gòn là bằng chứng rõ ràng nhất mà chúng ta có cho thấy rằng chế độ của Tổng thống [Nguyễn Văn] Thiệu không phải là một chế độ bù nhìn. Đó là một chế độ rất độc lập. Đó là một chế độ có tính chính danh. Nền cộng hòa ở miền Nam, mà Hà Nội vẫn luôn mô tả là một chế độ bù nhìn và nhiều người Mỹ cũng cho là vậy, luôn là một thực thể chính trị có tính chính danh. Và người Mỹ nhận ra rằng nếu họ cho phép Sài Gòn tham gia đàm phán hòa bình thì Sài Gòn sẽ khẳng định quyền tự chủ của mình. Họ sẽ khẳng định chủ quyền của mình và thậm chí từ chối đàm phán với miền Bắc.

Vì vậy, để đơn giản hóa, và phần lớn vì những lý do vị kỉ, Mỹ đã chọn loại Sài Gòn ra khỏi tiến trình này và sau đó chỉ chia sẻ với Sài Gòn nội dung của các cuộc đàm phán bí mật sau khi một thỏa thuận đã được chung quyết. Ông Thiệu vì những lý do rất chính đáng đã bác bỏ hoàn toàn thỏa thuận này.

Ông có cho là Mỹ về cơ bản đã phản bội đồng minh của mình trong cuộc chiến bằng việc tiến hành các cuộc đàm phán này với Hà Nội không, biết rõ là họ đang làm suy yếu đồng minh của mình trên bàn đàm phán công khai?

Đây là một câu hỏi thú vị và quan trọng. Tôi nghĩ chúng ta phải cẩn thận ở đây. Tôi nghĩ khi nhìn lại, Chiến tranh Việt Nam rất bi thảm và tàn khốc. Nhưng tất cả các cuộc chiến đều bi thảm và tàn khốc. Vì vậy, tôi nghĩ Mỹ với tư cách là một cường quốc nước ngoài đã cố gắng đứng về phía đồng minh của mình lâu nhất có thể.

Nhưng rồi sau một thời gian, một điều có thể đoán trước được và không thể nào tránh khỏi là Mỹ sẽ phải rút khỏi Việt Nam. Bởi vì chính trị đối nội sẽ luôn lấn át chính sách đối ngoại.

Nếu bạn là tổng thống Mỹ, lo cho phần còn lại của thế giới là một chuyện, nhưng về cơ bản người dân của bạn mới chính là những người bạn phải chiều lòng. Nếu không thì uy tín của cá nhân bạn, của đảng chính trị của bạn sẽ tan tành. Vì vậy, tôi nghĩ khi bạn nhìn vào những gì Nixon đã làm chẳng hạn, và Lyndon Johnson trước đó nữa, dù bạn có cảm thấy thế nào về cuộc chiến thì thực tế là hai người họ đã đầu tư đáng kể vào việc cố gắng bảo vệ Việt Nam Cộng Hòa và rồi cho Việt Nam Cộng Hòa một cơ hội công bằng. Và tất nhiên điều đó không thể tiếp tục mãi mãi. Và vì vậy về phía Mỹ, việc Nixon đi sau lưng Sài Gòn và thương lượng thỏa thuận này mà không tham vấn Việt Nam Cộng Hòa, có thể nói đó là một sự phản bội ở một mức độ nào đó.

Điều rất thú vị là ở chỗ này. Mặc dù Mỹ bí mật tổ chức các cuộc đàm phán này với Bắc Việt Nam, Sài Gòn biết chuyện gì đang diễn ra. Sài Gòn, thông qua nhiều đầu mối liên lạc và những bằng hữu khác, có biết việc Mỹ đang đàm phán sau lưng mình. Ông Thiệu rõ ràng bất mãn về chuyện đó nhưng tôi nghĩ ông ấy đủ thông minh để hiểu rằng điều này là không thể tránh khỏi, vì Mỹ đã ở Việt Nam khá lâu, vì thái độ của người dân Mỹ, vì vụ thảm sát Mỹ Lai, vì vụ Hồ sơ Lầu Năm Góc, và vì việc Mỹ bí mật ném bom Campuchia.



Tổng thống Richard Nixon và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong một cuộc hội kiến tại San Clemente, California, ngày 2 tháng 4 năm 1973.

Tôi nghĩ ông Thiệu hiểu hết tất cả những điều này. Nixon làm những gì ông ấy phải làm cho chính mình và cho đất nước của mình, giống như ông Thiệu làm những gì ông ấy phải làm cho chính mình và cho Việt Nam Cộng Hòa. Gọi đó là sự phản bội thì dễ đấy, nhưng đồng thời tôi nghĩ mọi người đều nhận ra rằng trong chiến tranh, hay trong những hoàn cảnh khác, các chính phủ sẽ hành động dựa trên lợi ích vị kỉ của chính họ.

Năm mươi năm sau nhìn lại, ông có cho rằng Hiệp định Paris đã định đoạt số phận của Việt Nam Cộng Hòa không?

Tôi không biết nó có định đoạt số phận hay không. Vào thời điểm Hiệp định Paris được ký kết, chỉ có 20.000 bộ binh Mỹ còn ở miền Nam Việt Nam. Vì thế việc này không tạo nên sự khác biệt lớn. Theo tôi, điều thực sự tạo ra

sự khác biệt lớn là với việc kí kết Hiệp định Paris, Việt Nam Cộng Hòa không còn được hưởng lợi từ sức mạnh trên không của Mỹ nữa. Và điều này luôn là một lợi thế thực sự to lớn cho Việt Nam Cộng Hòa. Hà Nội rất lo ngại về lợi thế này.

Trong cuộc tiến công mùa xuân năm 1972, có hai điều khiến cho nó thất bại. Một mặt, không nghi ngờ gì là quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu rất tốt. Lúc đầu có gặp khó khăn nhưng sau đó quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu rất, rất tốt. Nhưng mặt khác là Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam, Lào và sau đó là miền Nam Việt Nam rất ác liệt. Tôi nghĩ rằng nếu bạn là một người lính Việt Nam Cộng Hòa, bất cứ khi nào bạn ra trận, biết rằng bạn được yểm trợ bởi máy bay B-52 và máy bay F-5, tôi nghĩ điều đó làm cho họ rất yên tâm. Nhưng khi bạn không còn máy bay ném bom nữa, bạn cảm thấy dễ bị tổn thương hơn rất nhiều. Tôi nghĩ một di sản lớn của Hiệp định Paris là nó loại bỏ sức mạnh trên không của Mỹ ra khỏi cuộc chiến. Nó làm cho Việt Nam Cộng Hòa dễ bị tổn thương hơn nhiều.

Và rồi đối với Bắc Việt Nam, nếu bạn không phải lo lắng về chuyện ném bom nữa thì bạn thực sự không phải lo lắng về bất cứ điều gì khác nữa, bởi vì sẽ luôn có cách. Bất cứ khi nào Bắc Việt Nam làm điều gì đó gây hại là Mỹ đã đáp trả bằng cách ném bom, cho dù đó là các tuyến tiếp tế ở Lào hay các vị trí đóng quân ở miền Nam hay các thành phố ở miền Bắc. Hiệp định Paris đã chấm dứt điều đó. Tôi nghĩ nó làm cho Việt Nam Cộng Hòa dễ bị tổn thương hơn và làm cho Bắc Việt Nam bạo dạn hơn. Và trong những tuần và tháng sau Hiệp định Paris, Bắc Việt Nam thử nhiều cách khác nhau để xem liệu người Mỹ có phản ứng hay không và khi họ thấy rõ là Mỹ sẽ không phản ứng, cụ thể là tiếp tục ném bom, thì họ dốc toàn lực chiếm Sài Gòn.

Đầu cuộc nói chuyện ông có nói rằng Hiệp định Paris về cơ bản không làm thay đổi tình thế là cuộc xung đột giữa miền Bắc và miền Nam. Liệu miền Bắc có vi phạm thỏa thuận này hay không khi họ phát động cuộc tiến công “giải phóng” miền Nam vào mùa xuân năm 1975?

Tôi đã viết một cuốn sách này về thỏa thuận mà tôi đặt tựa đề là “Hòa bình Cay đắng.” Tôi nêu luận điểm rằng về cơ bản Hiệp định Paris là một thỏa thuận vì sự thuận tiện. Sài Gòn kí, Washington kí và Hà Nội kí vì nó cho phép họ đạt được một số mục tiêu tức thời. Nhưng không bên nào ưa thỏa thuận này cả. Và tất nhiên, tất cả họ đều vi phạm. Một khi Nixon nhận lại được tù binh, ông ấy không quan tâm chuyện gì xảy ra với thỏa thuận nữa. Nixon lẽ ra phải đóng các căn cứ của Mỹ nhưng ông ấy lại giao lại cho Việt Nam Cộng Hòa. Trên nguyên tắc đó là vi phạm thỏa thuận. Tổng thống Thiệu ngay lập tức nói là, tôi kí thoả thuận này nhưng tôi sẽ không bao giờ tuân thủ. Và quân đội của ông ấy về cơ bản tiếp tục tấn công các vị trí của cộng sản sau hiệp định.



Binh sĩ Mỹ lên máy bay phản lực dưới sự giám sát của các quan sát viên Bắc Việt Nam và Việt Cộng tại Sài Gòn, ngày 29 tháng 3 năm 1973. Phía cộng sản đếm từng binh sĩ lên máy bay vận tải trong khi các binh sĩ phớt lờ họ.

Hà Nội tôn trọng các điều khoản của thỏa thuận, nhưng chỉ cho đến khi người Mỹ rời đi. Và rồi họ lại bắt đầu vi phạm bằng cách tuồn các loại vũ khí mới vào miền Nam. Ai vi phạm nhiều nhất? Theo tôi, tất cả họ đều góp phần vi phạm thỏa thuận. Không thể quy trách bên nào vi phạm nhiều hơn bên nào. Và tôi chưa thấy bất cứ bằng chứng nào đưa đến kết luận một cách chắc chắn đó là cộng sản hoặc là Sài Gòn hay là Mỹ. Đối với tôi, tất cả họ đều chịu trách nhiệm. Ông Thiệu không bao giờ muốn thỏa thuận này, ông ấy đã nói rõ ngay từ đầu. Hà Nội dù gì đi nữa cũng quyết thống nhất Việt Nam dưới nền cai trị cộng sản.

Vì vậy, rõ ràng là họ sẽ không bao giờ chấp nhận hiện trạng. Nếu không vi phạm năm 73 thì sẽ vi phạm năm 74 và 75. Không có cách nào mà một tình huống kiểu bán đảo Triều Tiên sẽ tồn tại được ở Việt Nam trừ phi người Mỹ duy trì sự hiện diện của quân đội như họ đã làm ở Hàn Quốc.

Ông có nghĩ là việc Lê Đức Thọ từ chối nhận Giải Nobel Hòa bình là một sự khôn ngoan vì có lẽ khi đó ông ta biết cuộc chiến này sẽ không kết thúc cho tới năm 1975, hay một thời điểm sau đó? Rằng họ sẽ tiếp tục chiến đấu cho tới khi họ có thể thống nhất đất nước?

Theo tôi, đó là kiểu tuyên truyền tiêu chuẩn của cộng sản Việt Nam. Họ nói rằng đất nước của tôi vẫn chưa có hòa bình, tôi không thể nhận giải thưởng này. Tất nhiên, điều này khơi ra thiện cảm ở khắp mọi nơi. Tôi thấy việc này là nhằm lấy lòng dư luận thế giới. Lê Đức Thọ chỉ đơn giản nói rằng chúng tôi chỉ muốn hòa bình nhưng chúng tôi chưa có hòa bình ở Việt Nam nên tôi không thể nhận giải. Nhưng thực tế là những người cộng sản ngay từ đầu đã biết rằng sẽ không có hòa bình bởi vì họ đã thỏa hiệp tại Genève vào năm 1954 và đó là lý do tại sao họ không bao giờ muốn có một hiệp định khác.



Lê Đức Thọ phát biểu trong cuộc họp báo tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế Paris, ở Paris, Pháp, ngày 13 tháng 6 năm 1973.

Hiệp định Genève là một thất bại lớn và điều đó đã không mang lại lợi ích gì cho những người cộng sản. Vì thế đó là lý do tại sao họ không bao giờ muốn có một thỏa thuận ngay từ đầu trong cuộc chiến chống Mỹ. Khi họ kí thỏa thuận vào năm 73, đó chỉ là vì họ đang khốn đốn. Nhưng chẳng có gì trong những tài liệu lưu trữ cho thấy họ thực sự có ý định tuân thủ. Họ sẽ phá vỡ thỏa thuận bởi vì mục tiêu của họ vẫn không thay đổi. Họ sẽ thống nhất Việt Nam dưới nền cai trị cộng sản. Vì vậy, tôi cho rằng đó là yếu tố chính ở đây.

Việc Lê Đức Thọ khước từ Giải Nobel Hòa bình chỉ là nhằm đánh bóng hình ảnh của những người cộng sản, làm cho họ trông giống như những người yêu chuộng hòa bình trong khi thực tế những người cộng sản là những người duy nhất có một mục tiêu rất rõ ràng và không bao giờ đi chệch mục tiêu của mình. Và đó là lý do tại sao họ sẵn sàng làm bất cứ điều gì để đạt được điều đó kể cả hi sinh hàng trăm ngàn binh lính của chính họ.

Và họ đã chiến thắng vì điều đó. Và họ cũng thực sự tổ chức tốt nữa. Nhưng họ cũng biết cách lèo lái dư luận thế giới, họ là những người thao túng dư luận thế giới một cách lão luyện, và đó là điều mà Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ làm được. Họ không bao giờ có thể trình bày một cách thuyết phục về cuộc chiến của mình như cách mà Hà Nội có thể làm về cuộc chiến của họ. Và vì thế, việc khước từ Giải Nobel Hòa bình theo tôi là một phần trong chiến lược ngoại giao lớn hơn nhằm làm cho những người cộng sản trông như những người theo chủ nghĩa dân tộc, khiến họ trông như những người có chính nghĩa, trong khi thực tế họ chỉ là một đảng được dẫn dắt bởi ý thức hệ.

Xin cảm ơn ông về cuộc trò chuyện này.

<https://www.voatiengviet.com>